TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUYÊN MỘC** TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Danh Tuất.

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Trần T – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2023/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2023/QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị Thu T1, sinh năm: 2003 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp I, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Lê Anh Phương N, sinh năm: 2002 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phùng Thị Thu T1 trình bày:

Bà Phùng Thị Thu T1 và ông Lê Anh Phương N xây dựng gia đình vào năm 2020 nhưng đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân là trên cơ sở tự nguyện. Cuộc sống chung giữa bà T1 và ông N hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, nên thường xảy ra cãi vã, bà T1 và ông N đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T1 và ông N ly thân từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay,

mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm gì đến nhau, không còn tình cảm cũng không lệ thuộc về kinh tế.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T1 yêu cầu ly hôn với ông Lê Anh Phương N.

- Về con chung: Bà T1 và ông N có 01 con chung tên Lê An N1, sinh ngày 09/8/2020 hiện đang sống với bà T1. Bà T1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 và ông N tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập ông Lê Anh Phương N đến tham gia hòa giải nhiều lần nhưng ông N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án lập biên bản về việc vắng mặt đương sự không tiến hành hòa giải được để có cơ sở cho việc giải quyết vụ án. Tại các phiên tòa ông N đều vắng mặt không có lý do.

Phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn vắng mặt tại các buổi làm việc trước đây cũng như tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Quan hệ tranh chấp: Bà Phùng Thị Thu T1 yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung với ông Lê Anh Phương N đây là quan hệ pháp luật ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn ông Lê Anh Phương N có nơi cư trú tại huyện X, theo điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trong quá trình tham gia tố tụng ông Lê Anh Phương N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông N vắng mặt không có lý do, bà Phùng Thị Thu T1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt bà T1, ông N là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Thu T1 xây dựng gia đình với ông Lê Anh Phương N vào năm 2020 nhưng đến năm 2022 mới đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2022, đăng ký ngày 18/4/2022 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai), xét đây là quan hệ hôn

nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà T1 cho rằng cuộc sống chung giữa bà T1 và ông N hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra cải vả. Bà T1 và ông N đã cố gắng giải quyết những mâu thuẫn giữa vợ chồng nhưng tình hình vẫn không có gì thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ tháng 8 năm 2022 đến nay bà T1 và ông N ly thân, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông N.

Kết quả xác minh tại địa phương: Về tình trạng hôn nhân giữa bà Phùng Thị Thu T1 và ông Lê Anh Phương N có xảy ra mâu thuẫn gì hay không thì địa phương không biết, do không có sự trình báo cũng không hòa giải ở cơ sở. Hiện nay, bà T1 và ông N không còn chung sống với nhau. Ông N đi làm ăn (đi đâu địa phương không rõ) nhưng thỉnh thoảng ông N vẫn về thăm gia đình. Nay bà T1 có yêu cầu ly hôn, địa phương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà T1 cho thấy: Sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà T1 và ông N phải cùng tìm cách khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng để cuộc sống chung được hạnh phúc và cùng nhau chăm sóc, nuôi dạy con cái nhưng từ tháng 8 năm 2022 đến nay, bà T1 và ông N ly thân, mạnh ai nấy sống vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình – 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Sau khi bà T1 gửi đơn, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải nhằm đoàn tụ vợ chồng nhưng không thể hòa giải được, ông N vắng mặt không lý do, bà T1 vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông N.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà T1 và ông N thật sự không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông N.

[3] Về con chung: Bà Phùng Thị Thu T1 và ông Lê Anh Phương N có 01 con chung tên Lê An N1, sinh ngày 09/8/2020.

Xét yêu cầu của bà T1 về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho thấy: Từ khi bà T1 nộp đơn, Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án cho đến nay, ông N không thể hiện ý kiến của mình về việc bà T1 có yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hiện nay con chung đang sống cùng bà T1, được bà T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét đến thời điểm Tòa án xét xử, con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục*

con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con" do đó Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Bà T1 không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phùng Thị Thu T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, bà Phùng Thị Thu T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị Thu T1 đối với ông Lê Anh Phương N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Thu T1 được ly hôn với ông Lê Anh Phương N.

2. Về con chung: Bà Phùng Thị Thu T1 và ông Lê Anh Phương N có 01 con chung tên Lê An N1, sinh ngày 09/8/2020. Giao con chung tên Lê An N1 cho bà T1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Ông Lê Anh Phương N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Anh Phương N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phùng Thị Thu T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phùng Thị Thu T1 phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011704 ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà T1 đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện Xuyên Mộc;
- UBND xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo